

**Phụ lục 1**

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG**

*(Kèm theo Báo cáo số 392-BC/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Bắc Kạn)*

Giai đoạn	Tổ chức hội nghị quán triệt về công tác dân vận		Ban hành các văn bản cụ thể hóa về công tác dân vận			Công tác kiểm tra, giám sát về công tác dân vận				Công tác tiếp dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư của người đứng đầu cấp ủy					Công tác xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên								
	(1)		(2)			(3)				(4)					(5)								
	Số hội nghị	Số người tham gia	Chương trình hành động	Kế hoạch	Văn bản khác	Kiểm tra		Giám sát		Công tác tiếp dân		Công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư			Số tổ chức đảng bị kỷ luật bằng các hình thức			Số ĐV bị thi hành kỷ luật bằng các hình thức					
						Số tổ chức đảng	Số ĐV	Số tổ chức đảng	Số ĐV	Số buổi tiếp dân	Số lượng người được tiếp	Số đơn thư đã tiếp nhận	Số đơn thư đã xử lý, giải quyết	Số đơn thư chưa xử lý, giải quyết	Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ		
2013-2018	Tỉnh																						
	TP	1	80	1	3	10	15	39	13	26	4	8	155	133					2	2			
	Xã	43	1970		37	33	5	7	5	7	10	10	16	16					2				1
2019-2022	Tỉnh																						
	TP	1	73		3	8	11	27	9	17	5	6	125	119	6								1
	Xã	40	3278		39	34	4	4	4	4	12	14	8	8								1	4
<b>Tổng cộng</b>		<b>85</b>	<b>5401</b>	<b>1</b>	<b>82</b>	<b>85</b>	<b>35</b>	<b>77</b>	<b>31</b>	<b>54</b>	<b>31</b>	<b>38</b>	<b>304</b>	<b>276</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	

**Ghi chú:**

(1), (2), (3) Các Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các Đảng ủy trực thuộc báo cáo ở đơn vị mình. Cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo công tác kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo mục (3)

(4) Ban Nội chính Tỉnh ủy báo cáo ở cấp tỉnh. Các Đảng ủy trực thuộc báo cáo ở cấp mình. Các huyện, thành ủy báo cáo ở cấp huyện và tổng hợp báo cáo ở cấp xã

(5) Các đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; Các đảng ủy trực thuộc báo cáo ở đơn vị mình. Các huyện thành ủy báo cáo ở cấp huyện và tổng hợp từ cấp xã.

**Phụ lục 2**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NGÀNH DÂN VẬN**  
*(Kèm theo Báo cáo số 392-BC/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Bắc Kạn)*

Giai đoạn	Ban Dân vận các cấp chủ trì, phối hợp tổ chức hội nghị, tập huấn về công tác dân vận		Ban Dân vận các cấp ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện về công tác dân vận				Công tác kiểm tra, giám sát về dân vận					
	(1)		(2)				Kiểm tra			Giám sát		
	Số hội nghị	Số người tham gia	Công tác dân tộc	Công tác tôn giáo	Công tác dân vận chính quyền	Công tác Dân vận của MTTQ và các TC CT-XH	Số cuộc	Số tổ chức Đảng	Số đảng viên	Số cuộc	Số tổ chức Đảng	Số đảng viên
2013-2018	Tỉnh											
	TP	5	450	5	30	18	12	22	44			
	Xã	7	1142	12	22	32	66	9	9	10	9	9
2019-2022	Tỉnh											
	TP	2	295	0	26	12	8	28	68			
	Xã	7	1135	11	34	37	68	7	7	12	11	11
<b>Tổng cộng</b>		<b>21</b>	<b>3022</b>	<b>28</b>	<b>112</b>	<b>99</b>	<b>154</b>	<b>66</b>	<b>128</b>	<b>22</b>	<b>20</b>	<b>20</b>

**Ghi chú:**

(1), (2), (3): Ban Dân vận Tỉnh ủy báo cáo ở cấp tỉnh; Các huyện, thành ủy báo cáo ở cấp huyện





**Phụ lục 4**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 25, KẾT LUẬN 43 CỦA CÁC CƠ QUAN TƯ PHÁP**

*(Kèm theo Báo cáo số 392-BC/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Bắc Kạn)*

Giai đoạn	Các cơ quan tư pháp thành phố																			
	Tổng số buổi tuyên truyền, vận động Nhân dân	Tổng số người tham gia	Tiếp nhận tin báo tố giác, đơn thư phản ánh của Nhân dân			Số vụ việc đã được tiếp nhận													Số vụ việc oan sai phải bồi thường	Số vụ việc, vụ án phải cải sửa và hủy bỏ
						Hình sự	Dân sự	Hành chính	Vụ việc khác	Đã giải quyết đúng hạn				Phải kéo dài						
			Thuộc thẩm quyền	Đã giải quyết	Chưa giải quyết					Hình sự	Dân sự	Hành chính	Vụ việc khác	Hình sự	Dân sự	Hành chính	Vụ việc khác			
2013-2018	142	426	6	6		672	1085	1	88	672	1085	1	88	0	0			1	8	
2019-2022	15	45	10	10		624	1163	2	334	624	1107	2	334	0	0			0	4	
Tổng cộng	157	471	16	16		1296	2248	3	422	1296	2192	3	422	0	0			1	12	

**Ghi chú:**

- Thành ủy báo cáo ở cấp TP



**Phụ lục 5****KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 25, KẾT LUẬN 43 CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG***(Kèm theo Báo cáo số 392-BC/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Bắc Kạn)*

<b>Giai đoạn</b>		<b>Lực lượng vũ trang</b>									
		Việc tuyên truyền vận động nhân dân		Số lượng lực lượng được cử giúp cấp ủy, chính quyền			Số quân nhân được kết nạp Đảng		Công tác tiếp dân giải quyết đơn thư, tin báo tố giác tội phạm		
		Số cuộc	Số người tham gia	Xây dựng Đảng, chính quyền	Phát triển kinh tế xã hội	Khắc phục thiên tai, dịch bệnh	Là người DTTS	Là người có tôn giáo	Tổng số đơn thư	Đã giải quyết	Chưa giải quyết
2013-2018	Tỉnh										
	TP	314	22,147	6	261	547	17	0	222	222	0
	Xã	107	4728	261	92	641	23		114	114	
2019-2022	Tỉnh										
	TP	436	32,664	4	396	612	11	0	203	203	0
	Xã	87	4546	162	41	447	24		87	87	
<b>Tổng cộng</b>		<b>944</b>	<b>9328,811</b>	<b>433</b>	<b>790</b>	<b>2247</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>626</b>	<b>626</b>	<b>0</b>

**Ghi chú:**

- Thành ủy báo cáo ở cấp TP và tổng hợp báo cáo ở cấp xã





**Phụ lục 6**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 25, KẾT LUẬN 43  
CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

*(Kèm theo Báo cáo số 392-BC/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Bắc Kạn)*

Giai đoạn		Kết quả quán triệt văn bản về công tác dân vận (1)		Kết quả phát động, vận động các phong trào thi đua yêu nước và Dân vận khéo (2)				Công tác giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền (3)				Công tác xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên (4)						
								Số cuộc giám sát	Số cuộc phản biện	Đối thoại cấp ủy, chính quyền với nhân dân		Số lượng hội viên, thành viên			Số lượng cán bộ chuyên trách			
		Số cuộc	Số người tham gia	Số cuộc	Số người tham gia													
				Số hội nghị	Số người tham gia	Số cuộc vận động	Số người tham gia	Số tiền huy động được	Hiện vật huy động được (trị giá bằng tiền)					2013	2018	2022	2013	2018
2013-2018	Tỉnh																	
	TP	26	3052	33	18915	2.070.643.000	1.853.890.000	14	11	7	188	11762	14280		23	22	21	
	Xã	103	7552	148	12896	1.250.600.000	370.000.000	108	27	23	1224	8747	10194		40	40	40	
2019-2022	Tỉnh																	
	TP	25	2972	33	28633	2.595.505.000	3.226.600.000	21	21	9	260			15923				
	Xã	101	8184	186	16563	1.867.237.000	1.118.124.000	120	27	30	1709			11858				
Tổng cộng		<b>255</b>	<b>21760</b>	<b>400</b>	<b>77007</b>	<b>7.783.985.000</b>	<b>6.568.614.000</b>	<b>263</b>	<b>86</b>	<b>69</b>	<b>3381</b>	<b>20509</b>	<b>24474</b>	<b>27781</b>	<b>63</b>	<b>62</b>	<b>61</b>	

**Ghi chú:**

- Các huyện, thành ủy báo cáo ở cấp huyện và tổng hợp báo cáo ở cấp xã
- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh báo cáo ở cấp tỉnh
- Riêng mục (4) chỉ thống kê theo năm, không thống kê theo giai đoạn

**Phụ lục 1**

**TỔ CHỨC BỘ MÁY, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC DÂN VẬN CÁC CẤP**

*(Kèm theo Báo cáo số 392-BC/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Bắc Kạn)*

Năm	Ban Dân vận Tỉnh ủy											Ban Dân vận thành phố											
	Biên chế được giao	Biên chế sử dụng thực tế	Số phòng đơn vị	Trình độ cán bộ, công chức									Biên chế được giao	Biên chế sử dụng thực tế	Trình độ cán bộ, công chức								
				chuyên môn			lý luận chính trị		Cơ cấu ngạch công chức						chuyên môn			lý luận chính trị		Cơ cấu ngạch công chức			
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cử nhân, Cao cấp	Trung cấp	Chuyên viên Cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	khác			Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cử nhân, Cao cấp	Trung cấp	Chuyên viên Cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	khác
2013												3	3			3	1					3	
2018												3	3			3	2				1	2	
2022												4	4			4	3	1			2	2	

Ghi chú:

- Thành ủy báo cáo ở cấp TP

**Phụ lục 8**

**TỔ CHỨC BỘ MÁY, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÁC CẤP**

*(Kèm theo Báo cáo số 392-BC/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Bắc Kạn)*

Năm	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (1)												Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp TP (2)												
	Biên chế được giao	Biên chế sử dụng thực tế	Số phòng đơn vị	Trình độ cán bộ, công chức									Biên chế được giao	Biên chế sử dụng thực tế	Trình độ cán bộ, công chức										
				chuyên môn			lý luận chính trị		Cơ cấu ngạch công chức						chuyên môn			lý luận chính trị		Cơ cấu ngạch công chức					
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cử nhân, Cao cấp	Trung cấp	Chuyên viên Cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	khác			Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cử nhân, Cao cấp	Trung cấp	Chuyên viên Cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	khác		
2013												23	23				17	3	5			3	17		3
2018												22	20			1	19	8	6			4	16		
2022												21	21			2	19	11	8			7	14		

**Ghi chú:**

- Các huyện, thành ủy báo cáo ở cấp huyện
- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh báo cáo cấp tỉnh

**Phụ lục 9**

**SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO**

*(Kèm theo Báo cáo số 392-BC/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Bắc Kạn)*

Năm	Công tác dân tộc							Công tác tôn giáo						
	Số tổ chức đảng của Đảng bộ	Số đảng viên của Đảng bộ	Số ĐV là người DTTS	ĐV là người DTTS/Số ĐV (tỷ lệ % với tổng số ĐV)	Số người CBCC là người DTTS	CBCC là người DTTS/số CBCC (tỷ lệ % với tổng số CBCC)	Số già làng, trưởng bản, người có uy tín được công nhận	Số tổ chức tôn giáo, điểm nhóm sinh hoạt		Số tín đồ tôn giáo	Tín đồ tôn giáo/Dân số (tỷ lệ % với dân số)	Số cốt cán tôn giáo được công nhận	Số CBCC là tín đồ tôn giáo	Số đảng viên là tín đồ tôn giáo
								Được cấp phép	Chưa được cấp phép					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
2013	31	2,799	1,707	61	31	54,3%		3	0	430	1,0			
2018	51	4,027	2,146	60	31	61,5%	123	3	0	836	1,91			
2022	45	4,629	2,756	62	26	50%	117	3	0	1,117	2,23		214	21

**Ghi chú:**

- Thời điểm lấy số liệu: 31/12 các năm (2013, 2018, 2022)
- Số CBCC cấp tỉnh bao gồm CBCC khối Đảng, Đoàn thể và khối chính quyền cấp tỉnh
- Số CBCC cấp huyện bao gồm CBCC khối Đảng, Đoàn thể và khối chính quyền cấp huyện
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo:
  - + Các mục (1), (2), (3), (4) của toàn tỉnh
  - + Mục (5), (6) với số CBCC khối đảng, đoàn thể cấp tỉnh
- Ban Dân tộc tỉnh báo cáo mục (7)
- Sở Nội vụ báo cáo:
  - + Mục (5), (6) với số CBCC khối chính quyền cấp tỉnh
  - + Mục (8) đến mục (14)
- Các huyện, thành ủy báo cáo trên địa bàn đầy đủ các mục từ (1) đến (14)  
(Đối với cấp huyện: Số CBCC ở các mục (5), (6), (13) bao gồm CBCC cấp huyện và tổng số CBCC cấp xã trên địa bàn)



**Phụ lục 10**  
**SỐ LIỆU MÔ HÌNH "DÂN VẬN KHÉO"**

*(Kèm theo Báo cáo số 392-BC/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Bắc Kạn)*

<b>Giai đoạn</b>	<b>Mô hình "Dân vận khéo"</b>									
	Tổng số mô hình được công nhận		Theo lĩnh vực				Hội thi "Dân vận khéo"		Biểu dương, khen thưởng	
	Tập thể	Cá nhân	Kinh tế	Văn hóa xã hội	Quốc phòng an ninh	Xây dựng đảng và hệ thống chính trị	Số hội thi	Số đơn vị tham gia	Tập thể	Cá nhân
2013 - 2018	42	3					1	8	30	13
2019 - 2022	248	20					1	8	16	3
<b>Tổng cộng</b>	290	23					2	16	46	16

**Ghi chú:**

- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc báo cáo tổng hợp theo từng giai đoạn (tổng số giai đoạn bằng tổng số mô hình được công nhận theo từng năm)

